

Bản án số: **39/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 10/05/2023
"Về việc ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa

- Bà Phạm Thị Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tổng Thị X, sinh năm 1980 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1971 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Vàm Xáng, xã Đông Hưng B, huyện An Minh- Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 01/12/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị X trình bày và yêu cầu như sau:**

Chị X và anh Ch chung sống với nhau như vợ chồng năm 2000 đến nay không đăng kết hôn, có làm đám cưới theo phong tục tập quán, sau khi về sống chung với nhau không hợp tính tình, anh Ch thì phát sinh ghen tuông vô cớ khiến chuyện đánh đập chị X, chị X cố gắng nhẫn nhịn kéo dài thời gian để vợ chồng

sống nuôi con nhưng không mang lại kết quả mà anh Ch còn hăm dọa nên chị bỏ nhà đi từ cuối năm 2022 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không kéo dài thêm được nữa nên chị X làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch.

- Về con chung: Chị X xác định trong thời gian sống chung thì có 01 đứa con chung, đặt tên Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 07/01/2002, hiện nay con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị X xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ: Chị X xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Bị đơn anh Ch đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng không ý kiến**

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị X vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu được ly hôn.

- Bị đơn: Anh Ch có ý kiến:

Xác định tình trạng hôn nhân anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không đăng ký kết hôn. Do quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh hiểu nhầm về chị X nên có đánh chị X, chị X sợ bỏ nhà đi sống ly thân với anh Ch khoảng 6 tháng nay.

Nay chị Tống Thị X yêu cầu được ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn. Về con và tài sản như ý kiến của chị X nêu ra, anh không ý kiến gì khác.

*** Kiểm sát viên phát biểu:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định chị X và anh Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị X khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Ch, thấy rằng hôn nhân giữa chị X và anh Ch vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên khi chị X có đơn khởi kiện xin ly hôn thì căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết, khoản 1 Điều 14 ghi: “ Nam và nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ

chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” áp dụng vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tống Thị X với anh Nguyễn Văn Ch.

- Về con chung: Chị X và anh Ch xác định có 01 đứa con chung đặt tên Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 07/01/2002, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

- Về tài sản và nợ: Chị X và anh Ch không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị Tống Thị X và anh Nguyễn Văn Ch chung sống với nhau như vợ chồng năm 2000 mãi cho đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị X khởi kiện xin ly hôn đối với anh Ch, xét thấy, chị X và anh Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nay chị X có đơn khởi kiện xin ly hôn thì căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 “ *Nam và Nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tống Thị X với anh Nguyễn Văn Ch.

[2]. *Về con chung*: Chị X và anh Ch xác định có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 07/01/2002 hiện nay Thúy D đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. *Về tài sản; về nợ*: Chị X và anh Ch xác định không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, 238, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tống Thị X với anh Nguyễn Văn Ch.

[2]. *Về con chung*: Chị X và anh Ch xác định có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 07/01/2002, hiện nay Thúy D đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. *Về tài sản; Về nợ*: Chị X và anh Ch xác định không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét. .

[4]. *Về án phí sơ thẩm*: Buộc chị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), án phí ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà chị tạm nộp theo biên lai số 0001102 ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị X đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/5/2023)

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gửi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS vụ án, VP.

Lê Mỹ Huê